

TUY HOÀ – BỤI MÙ TRỜI GIÓ CÁT



Tôi không phải là người Phú Yên, cũng chẳng có mối tình nào gọi lại Tuy Hòa, nhưng dường như cái xứ có núi Nhạn sông Đà thơ mộng ấy đã mãi vương vấn tâm hồn tôi, in đậm trong ký ức tôi những mối tình đẹp, thật dễ thương của đám bạn bè, đồng đội, cùng bao kỷ niệm vui buồn một thời trận mạc. Khi ấy bọn tôi còn rất trẻ, đa số vừa mới rời khỏi học đường vài ba năm để bước chân vào nơi gió cát.

Ngày mang “sự vụ lệnh” về trình diện đơn vị tại Ban Mê Thuột, tôi và bốn thằng bạn cùng khoá cứ ngỡ cuộc đời mình sẽ dính liền với rừng núi của xứ “bụi mù trời” và “buồn muôn thuở”, chỉ còn biết nằm nghe tiếng chim kêu vượn hú. Ai ngờ sau hai tuần lang thang quanh quẩn trong con phố buồn hiu, ngắm mấy cô gái Thượng mang gùi đi xuống đi lên trên con đường A Ma Trang Long bám đầy đất đỏ, bọn tôi được ông Trưởng phòng 1 lái xe đi tìm chỗ về Câu Lạc Bộ Sĩ Quan, vội vàng lấy ba-lô quân trang, rồi đưa thẳng ra phi trường Phụng Dực, tháp tùng phi cơ của ông tư lệnh, Đại tá Lữ Lan, bay xuống đơn vị đang hành quân tại Khánh Hòa, ngay vùng biển quê hương tôi.

Đơn vị tôi lúc ấy, chắc cũng thuộc loại đánh đám có hạng nên được chọn làm lực lượng lưu động trừ bị cho Quân Đoàn. Nay đây mai đó. Trước khi di chuyển đến đây, đã có mặt khắp nơi: từ Bình Tuy, Bình Thuận, Ninh Thuận, đến Lâm Đồng, Quảng Đức...

Khi đến đơn vị, tôi rất vui. Vì ngoại trừ ông Tiểu đoàn trưởng, hầu hết tất cả sĩ quan trong đơn vị đều trẻ măng, độc thân vui tính, anh nào “đàn anh” nhất cũng chỉ vừa rời ghế nhà trường năm ba năm. Ba anh Trung úy Đại đội trưởng đều dạn dày lửa đạn. Một anh tốt nghiệp khoá 16 VB Đà Lạt, hai anh khoá 13 Thủ Đức, một gốc Huế một gốc Bắc Kỳ di cư. Nhưng anh nào cũng đánh đám rất gan lì và vui vẻ chịu chơi. Tôi được bổ nhậm về Đại Đội của anh trung úy gốc Huế nhưng lại thân thiết với anh trung úy gốc Bắc Kỳ, vì ngoài các đức tính khác anh còn có nụ cười và ánh mắt dễ làm “chết người ta”.

Không biết có bao nhiêu “hồn (đã) lờ sa vào đôi mắt... anh” rồi, nhưng tôi là thằng lính ngang tàng mà cũng phải lụy anh trong cái tình huynh đệ. Sau này và cho mãi đến bây giờ, chúng tôi vẫn còn giữ cái tình “anh em tri kỷ” ấy. Đám Trung đội trưởng tò te, ngoài tôi ra còn có bốn thằng cùng khoá 18 Thủ Đức với tôi, vài ba anh khoá 15, 17 và hai chàng khoá 19 VB Đà Lạt đầy phong độ, cũng vừa mới ra trường năm ba tháng trước.

Tôi nhận Trung Đội với chỉ 25 thằng lính, nửa Kinh nửa Thượng. Ngay sau khi nhận trách nhiệm, công việc đầu tiên của tôi là dắt đám lính tráng vào QYV Nguyễn Huệ để dự đám tang, chào tiễn đưa ông Thượng sĩ già, Trung đội trưởng tiền nhiệm ra nghĩa trang Đồng Đê. Ông vừa tử trận vài ngày trước đó trong một trận phản phục kích tại Tu Bông (Vạn Giã) và tôi đến Trung Đội để thay thế ông. Nhìn bà vợ và mấy đứa con của ông kêu gào, khóc la thảm thiết, tôi hình dung ra con đường thê lương trước mặt, và tự trấn an mình: mai này mình chết, may ra cũng không có tiếng quả phụ và trẻ thơ khóc lóc!

Thời ấy, nhờ ảnh hưởng kết quả của kế hoạch Ấp Chiến Lược còn sót lại, nên tình hình địch ở mọi nơi còn rất yếu, hầu hết là các lực lượng du kích và địa phương, nên bị Tiểu Đoàn chủ lực lưu động thiện chiến của tôi đánh cho tan tác. Do vậy chúng tôi đến đâu, cũng được các ông Tỉnh trưởng đón tiếp nồng hậu. Sau hơn ba tháng theo đơn vị tiếp tục hành quân qua nhiều làng mạc, rừng núi và giẫm nát những mật khu Đồng Bò, Đá Bàn, Hòn Hèo của địch, đơn vị kéo về trú đóng trong một vườn dương bên bờ biển Nha Trang.

Đám sĩ quan bọn tôi được ông Tỉnh trưởng ưu ái dành cho bốn phòng trong khách sạn Phụng Hoàng, nằm trước ga xe lửa. Mệt và mất ngủ vì vừa trải qua cuộc phục kích đêm hôm trước, nên sau khi tắm rửa xong, tôi ngủ vùi một giấc. Thức dậy, nhìn ra ngoài, ánh đèn đường đã bắt đầu sáng. Mở ba lô tìm bộ quần phục mới để thay bộ quần áo trận còn dính đầy bùn lầy, cho hợp với khung cảnh phố phường. Dự định đi một vòng tìm lại những hang động tuổi thơ cùng dấu tích mấy mối tình học trò của vài năm trước, tôi bỗng nghe tiếng ông Tiểu đoàn trưởng gọi tất cả bọn tôi lên xe trở về đơn vị, điểm danh sắp xếp lính tráng lên tàu Hải quân, đã ủi bãi ngay phía trước TTHL Hải Quân.

Ra khơi lúc 11:00g đêm. Qua hơn một đêm lênh đênh trên biển, tàu cập vào bến của Duyên Đoàn 24 HQ bên bờ biển Tuy Hòa. Trong số những người ra đón đơn vị chúng tôi, ngoài ông Tỉnh trưởng – Trung tá Trần Văn Hai, anh Trung uý Duyên Đoàn Trưởng HQ, tôi còn bất ngờ nhận ra ông anh con bà cô, trung uý thuộc Tiểu Đoàn 23 BĐQ đang hành quân trú đóng ở đây. Từ khi anh vào quân đội, bao nhiêu năm anh em không gặp, bất ngờ lại nhận ra nhau ở một nơi xa lạ, vui mừng quá đổi. Anh em vừa mới ôm nhau, hỏi han vài câu, thì đơn vị nhận lệnh lên xe di chuyển. Ông anh kéo tôi và mấy sĩ quan cùng Đại Đội lên xe Jeep của anh chạy theo đơn vị. Về khu Nhà Bàng, vị trí đóng quân tạm, sắp xếp đơn vị xong, bọn tôi theo anh ra phố. “Moa đãi các toa một chiều để biết mặt Tuy Hòa – xứ nẫu”. Anh bảo thế trước khi lái xe đi.

Tôi bỗng giật mình khi nghe “xứ nẫu”. Cái tên “Nam Ngãi Bình Phú” và “Liên Khu Năm” vẫn còn hằn trong tâm trí tôi từ lúc mới lên năm, bởi cha tôi bị Việt Minh bắt đưa ra đây hơn ba năm khi ông là thầy giáo đang dạy trường Pháp-Việt, và mẹ tôi qua đời trước đó hai năm. Kể từ ấy tôi sống với ông bà nội, thiếu vắng cả cái tình phụ mẫu.

Có lẽ đã phải trải qua những năm dài chiến tranh, nên phố xá Tuy Hòa ngày ấy còn “hoang sơ” lắm. Ngoài văn phòng Air Vietnam hai tầng và khu chợ mới xây dang dở, hầu hết là nhà cũ. Ông anh chở bọn tôi đến một cái quán nằm bên cây cầu, trên đường hướng

ra Quốc lộ 1. Tôi không còn nhớ tên, nhưng quán này nổi tiếng về món cá lóc nướng, và đặc biệt có mấy o Huế rất xinh. Để tránh tình trạng “tấn công nhằm mục tiêu”, ông anh tôi cho biết:

– Tuy Hòa có hai quán ăn nổi tiếng, đều có hai cô chủ “hoa khôi” gốc Huế, nhưng một quán đã có ông quan năm Trung đoàn trưởng đóng đô, còn quán này là sào huyệt của ông Chi đoàn trưởng Thiết Giáp có tiếng hào hoa. Nhìn mặt thẳng nào cũng buồn xo, ông anh tôi cười, an ủi:



Thấy 19VB, một anh Hơn 20 phút trai đến nơi Bị quả là thắm Classic”. Và để mượn cây ghi-ta Tây cổ điển. Ngón

– Yên chí đi! Tuy Hòa còn thiếu gì cô bé dễ thương. Trường trung học Nguyễn Huệ có biết bao cánh hoa biết nói, và mai một khi các toa ra vùng hành quân, sẽ có khối cậu chết mê chết mệt vì mấy cô gái quê! Bọn lính trong đơn vị moa thường kháo nhau: “Phú Yên đến dễ khó về” đấy!

trong đám bọn tôi có hai chàng khoá ông anh cho tài xế chạy về đơn vị đón cùng khoá 19 ra gặp bạn đồng môn. sau, một thiếu úy BĐQ cao ráo đẹp chạy vào tay bắt mặt mừng. Cái tình Võ thiết. Anh được giới thiệu là “Chương giải thích cái nick name của mình, anh của cô chủ quán, đọc tấu mấy bản nhạc đàn của anh quả thật tuyệt vời!

Chỉ sau ba hôm ở chuyển đi Hiếu Xương, đến cầu Bàn Thạch để hành quân tái chiếm lại một vài nơi đã bị Cộng quân làm chủ tình hình. Ông Tỉnh trưởng đã cảnh báo đám sĩ quan trẻ chúng tôi:

– Ở vùng ấy nhiều gia đình có thân nhân theo VC, nên mấy chú phải cẩn thận, nhất là thấy mấy cô gái đẹp đừng có vội nhào vô. Trước đây đã có một anh chàng sĩ quan đề lộ Pháo Binh mất lòng con bé thợ may, hành quân xong cứ ra ngồi ngoài quán, cuối cùng không thấy trở về đơn vị nữa, mất tích luôn! Đám lính trẻ bọn tôi “chưa thấy quan tài chưa đổ lệ” nên chỉ còn nhớ tới “mấy cô con gái đẹp” trong câu nói ấy của ông thôi.

Trung Đội tôi được lệnh đóng quân giữ an ninh cầu Bàn Thạch và khu vực chung quanh. Cây cầu xi măng đúc đã bị VC giật mìn sập, nên vừa được Công Binh bắc cây cầu gỗ tạm. Cầu nằm gần chợ, và phía bên kia là vùng mất an ninh. Một Tiểu Đội của tôi nằm tiền đồn bên ấy. Ban chỉ huy Trung Đội và một Tiểu Đội bố trí ngay dưới gầm cầu.

Sắp xếp vị trí đóng quân và canh gác xong, đã gần 5:00g chiều, tôi bảo mấy chú lính dọn cơm ăn, để tôi còn đi một vòng chợ tìm xem các cô gái có “đôi mắt người... Phú Yên” ra

sao. Vừa mang mấy lon guigoz cơm ra, bốn thằng chúng tôi chưa kịp cầm đũa, thì một trái lựu đạn từ trên cầu rơi xuống. Một anh lính phát giác la lên, cả bọn kịp lăn mình qua bên kia tấm cầu đúc (bị sập xuống), nhưng trái lựu đạn không nổ!

Chỉ năm phút sau, người ném lựu đạn bị toán lính của tôi bên kia cầu đuổi bắt. Đến nơi, tôi ngạc nhiên khi nhận ra, không phải một, mà là hai cô con gái quê, tuổi cỡ 14–15, một cô khá xinh, có đôi mắt đẹp. Cô bé này chính là người ngồi sau xe đạp, ném trái lựu đạn định giết tôi, chàng “lính trẻ hào hoa”, chỉ mới vài phút trước đây có ý định đi tìm... đôi mắt ấy. Đưa hai nữ “địch quân” đến trình diện ông Tiểu đoàn trưởng. Thấy hai cô bé vừa run vừa khóc, mặt mày tái xanh, ông “tâm lý chiến” rất hay, vỗ vai hai cô bé, vừa cười vừa ôn tồn nói chuyện. Hai cô khai hết sự tình, nên được dẫn về giao cho gia đình, vừa “chiêu hồi” và cũng vừa cảnh cáo, theo dõi họ. Một tuần sau, toán quân báo Tiểu Đoàn bắt được người đàn bà trong mũi công tác đã dụ dỗ hai cô bé làm giao liên và ném trái lựu đạn xuống cầu.

Chiều hôm sau, đơn vị có lệnh xuất phát cuộc hành quân bao vây và đánh chiếm kho vũ khí của địch tại Đa Ngư–Phú Lạc, nằm trên một khu núi đá sát biển, địa thế khó khăn hiểm trở và được phòng thủ rất kiên cố bằng nhiều ỏ súng đại liên. Tin tức cho biết địch quân đã chiếm làng Thạch Tuấn và khu vực Hảo Sơn hơn hai tuần nay. Bộ đội địa phương vừa tiếp nhận một số lượng lớn vũ khí từ miền Bắc chuyển vào khu núi Đa Ngư Phú Lạc bằng thuyền. Đơn vị tôi có trách nhiệm phải đánh chiếm kho vũ khí này và tảo thanh các khu vực địch trong vòng hai tuần để đưa một đơn vị Bảo An của Tiểu khu vào trấn giữ.

Đơn vị tôi được tăng cường Đại Đội 23 Thám Kịch. Tất cả đều được trang bị mặt nạ chống hơi độc. Khởi hành từ tuyến xuất phát lúc 11:00g trưa, mãi đến gần 3:00g chiều chúng tôi mới đến khu vực mục tiêu, vì phải di chuyển qua những địa thế khó khăn hiểm trở để tránh bị phát hiện, gây yếu tố bất ngờ cho địch. Đại Đội 3 của tôi đi dọc theo bờ biển đến phục dưới chân núi làm lực lượng án ngữ. Nỗ lực chính đánh chiếm mục tiêu là Đại Đội 23 Thám Kịch và Đại Đội 2 của ông anh trung uý gốc Bắc kỳ. Không ngờ trận chiến lại khó khăn khốc liệt đến như thế, phải chia nhau từng nhóm nhỏ bò lên chiếm các hốc đá nằm bên ngoài căn cứ, bị địch phát hiện, cầm chân bằng đạn súng cối đủ loại và nhiều ỏ súng đại liên. Vì đây là kho vũ khí, nên địch có đầy đủ các loại vũ khí và đạn dược. Cuối cùng phải nhờ đến phi yểm, mặc dù rất bất lợi vì trời sắp tối. Theo các trái sáng cầm tay được đồng loạt phóng lên đánh dấu vị trí bạn, cùng với sự hướng dẫn, chỉ điểm tài tình của anh phi công L19, hai phi tuần khu trục liên tiếp đánh bom rất chính xác xuống căn cứ địch, diệt các ỏ súng đại liên, để lực lượng ta bám sát mục tiêu.

Đại Đội 23 TK và Đại Đội 2 của anh trung uý gốc Bắc Kỳ đánh đẹp một cuộc cận chiến, chiếm được căn cứ, một số tù binh bị bắt. Đại Đội 1 của anh trung uý khoá 16VB kịp thời tăng cường bao vây và truy kích. Trận chiến kết thúc trước khi trời tối. Số chiến lợi phẩm thu được khá lớn, địch quân dự trữ trang bị các loại vũ khí mới này cho các đơn vị thuộc Liên khu 5 của chúng. Tiểu Đoàn kéo về Đông Tác dưỡng quân, được ông Tướng tư lệnh

Vùng và ông Trung tá Tỉnh trưởng đến thăm, mừng chiến thắng. Anh trung uý nhiệm chức gốc Bắc kỳ khoá 13 Thủ Đức được vinh thăng (điều chỉnh) trung uý thực thụ và thưởng anh dũng bội tinh với nhành dương liễu. Anh trung uý khoá 16VB được ngôi sao vàng. Nhiều sĩ quan và binh sĩ có công cũng được trao gắn huy chương.

Ba ngày sau, được tiếp tế lương thực và đạn dược, Tiểu Đoàn trở lại Thạch Tuân. Chiếm lại ngôi làng nghèo này rất dễ dàng, cả đơn vị tiếp tục tiến quân vào Hảo Sơn, Đá Bia. Một khu vực núi non hiểm trở. Địch quân đã chiếm ngự các cao điểm trọng yếu. Trung Đội tôi có lệnh mở đường dọc theo thiết lộ, nằm sâu giữa hai vách núi, để chiếm một ngọn đồi, đặt đại liên yểm trợ cho đơn vị còn lại bung ra hai triền núi phía trước. Con đường độc đạo hoàn toàn bất lợi, nhưng không còn lối nào khác. Nhờ pháo binh bắn dọn mục tiêu, nên Trung Đội tôi dễ dàng chiếm lĩnh ngọn đồi, ngay sau khi một toán địch quân vừa bỏ chạy, không kịp mang theo nồi cơm đang nấu và mấy cái võng nilon còn cột chặt trên cây.

Cả Tiểu Đoàn tiếp tục tiến quân hai bên triền núi. Trận chiến khá quyết liệt, vì địch quân đã có sẵn nhiều cái chốt trên các hốc đá nằm cao trên núi, bắn trung liên và ném lựu đạn xuống quân ta phía dưới. Trời đổ mưa như trút nước. Đại Đội 1 của ông anh khoá 16 VB là mũi tiến công chính. Dù ở thế hoàn toàn bất lợi, nhưng nhờ tài chỉ huy và điều quân gan dạ của chàng trai Đa Hiệu, cuối cùng cũng đã chiếm được mục tiêu. Địch quân tháo chạy, bỏ lại vài chục xác chết và trên mười khẩu súng.

Bên ta, hai binh sĩ tử thương và vài người khác bị thương nhẹ. Trời tiếp tục mưa không dứt. Bóng tối đã bắt đầu phủ kín khu vực hành quân. Có lẽ lo ngại địa thế bất lợi cho một cuộc đóng quân đêm và địch quân có thể được tăng cường phản kích, nên cả đơn vị có lệnh khẩn cấp rút quân ra. Riêng Trung Đội của tôi phải nằm lại để yểm trợ và đề phòng địch quân tập hậu. Khi được lệnh rút ra sau cùng, tôi xin pháo binh bắn chặn, để Trung Đội chia làm hai cánh yểm trợ nhau rút nhanh ra.

Tôi đi theo cánh quân có lộ trình nguy hiểm hơn: theo con đường sắt. Nép sát vào vách núi, di chuyển rất nhanh, nhưng chỉ năm phút sau thì nhiều loạt đạn từ trên triền núi bắn xuống. Đạn địch xối xả xuống đường xe lửa, chát chúa ngay sát dưới chân tôi, tóe lên nhiều đóm lửa. Có cả đạn súng cối. Tôi nghe vài tiếng la đau đớn. Anh trung sĩ và một người lính đi sau lưng tôi trúng đạn. Anh trung sĩ bị bắn vào chân, còn anh lính kia bị thương nặng ở vùng bụng, ruột đổ ra ngoài. Cho người băng vết thương bằng các băng cá nhân, tôi vừa gọi xin tiếp ứng vừa xin pháo binh bắn cản hậu, rồi cũng anh lính bị thương rất nặng chạy nhanh ra khỏi vùng nguy hiểm. Người tôi ướt đầm cả máu, nước mưa, và có thể có cả nước mắt (cho người thương binh –không có chút hy vọng sống– của mình).

Trên đường trở lại làng Thạch Tuân đóng quân đêm, cả Tiểu Đoàn dàn hàng ngang lội bì bõm dưới những đám ruộng ngập đầy nước. Du kích trong làng lại bắn ra. Chúng tôi bám theo các bờ ruộng xâm nhập vào làng, nhanh chóng bao vây tứ phía, cả toán du kích

không chạy kịp bị chúng tôi bắt. Xe tải thương không thể nào đến được vì không có an ninh lộ trình. Tối hôm ấy, anh lính bị trọng thương của tôi, vốn là một tân binh quân dịch, quê tận Gò Công, đã trút hơi thở cuối cùng trên tay tôi, sau khi giao cho tôi cái bóp có hai tháng tiền lương và thì thảo lời trời trần đứt đoạn, nhờ tôi chuyển lại cho vợ và đưa con gái đầu lòng chưa đầy một tuổi mà anh chỉ mới về phép thăm cháu một lần. Đó là người lính đầu tiên dưới quyền đã chết trên tay tôi. Anh có cái tên rất dân dã mà tôi không bao giờ quên được: Nguyễn Văn Tý. Trùng tên với một nhạc sĩ tài hoa khí khái mà sau này tôi mới biết.

Mục tiêu các cuộc hành quân đã hoàn tất, Tiểu Đoàn chúng tôi được lệnh về đóng quân dọc theo Quốc lộ 1, từ ngã ba Phú Lâm đến hết Bàn Nham, Bàn Thạch. Trung Đội tôi lại nhận lãnh cái cầu (gây) Bàn Thạch, nơi mà tôi được cô gái Phú Yên đón chào bằng một trái lựu đạn nội hóa. Cứ vài ba hôm chúng tôi lại tổ chức các cuộc hành quân (có khi luân phiên từng Đại Đội có khi cả Tiểu Đoàn) ở Hòa Xuân, Hòa Thịnh, Sơn Thành, hay ra tận Ngân Sơn (Tuy An), Hiệp Mỹ, Tuyết Diêm, Hòa Phú, phía dưới đèo Cù Mông (Sông Cầu), giáp ranh Bình Định. Chấm dứt hành quân lại trở về “cứ điểm” Bàn Thạch. Lúc này con đường từ Bàn Thạch ra phố Tuy Hòa đã tương đối an ninh, nên những ngày không bận hành quân, bọn tôi được phép thay phiên nhau xuống phố Tuy Hòa.

Cũng có những đón đưa trước cổng trường Nguyễn Huệ, Bồ Đề. Cũng có những hẹn hò ngoài bãi dương, quán nước. Trong đám bọn tôi cũng vài thằng có những cuộc tình chợt đến chợt đi. Thì ra các cô gái Tuy Hòa trông dễ thương mà thương thì không dễ lắm. Lúc ấy, tuổi trẻ bọn tôi còn cao ngạo: “mấy thằng lính ngang tàng này thì dễ gì mà chết trong mắt em”!, nhưng khi cô đơn lại tự an ủi mình: “đời lính tráng như vậy mà vui, không nợ nần, không làm khổ một ai, vợ con làm gì cho vướng chân vướng cẳng!”, tránh cái cảnh như một ông nhà thơ sau này đã thốt lên lời bi thảm “anh trở về dang dở đời em”! Hồi còn trong lính, tôi ghét cay ghét đắng bài thơ được phổ nhạc này. Đám lính tráng về phép mà nghe được đôi lần, chắc nhiều thằng không muốn trở về đơn vị nữa. Nhưng bây giờ ngồi nghiệm lại, tôi thấy đúng, cho dù có chút đắng cay. Lính bị thương tàn phế, hay là lính bị đày ải trong tù “cải tạo” ngày trở về ít nhiều gì cũng đã làm dang dở đời em.

Dù vậy, trong đám bọn tôi cũng có ba chàng phá luật chơi. Một thằng, cùng khoá với tôi, yêu một cô bé học mới lớp đệ lục, nhà ở cạnh chợ Tuy Hòa, một tiệm bán đồ gỗ nhỏ. Bọn tôi cứ nhạo nó là “dụ dỗ gái vị thành niên” và “tiền lương của mày không đủ để mua gạo thóc cho nó lớn”! Vậy mà cuộc tình cũng gắn bó hơn một năm. Ngày đơn vị tôi từ giả Tuy Hòa, cô con gái ấy đã tổn khá nhiều nước mắt. Sau này dường như cô bé trở thành cô giáo, lấy chồng là một đồng nghiệp tốt nghiệp Sư Phạm Qui Nhơn. Thằng bạn của tôi được giải ngũ sớm vì cận thị nặng. Nó trở về tiếp tục sách đèn. Tốt nghiệp sư phạm Đại học Đà Lạt về dạy Triết tại vài trường trung học. Năm 1973, khi nghe bạn bè bảo tôi đang nằm dưỡng thương ở QYV Nguyễn Huệ Nha Trang, nó từ đâu tìm đến thăm. Khi nhắc tới thời lính tráng ở Phú Yên, đôi mắt nó sáng lên, bảo là nó vừa bắt gặp lại cô bé Tuy Hòa ngày xưa, khi cả hai cùng làm giám khảo và giám thị một cuộc thi Tú Tài ở trường

Nguyễn Huệ hay Cường Để gì đó. Nó cười, nhưng đôi mắt nó lại mơ màng nhìn về một nơi nào đó... xa xăm!

Một ông đàn anh khoá 14 Thủ Đức của tôi, SQ/CTCT Tiểu Đoàn, vốn tu xuất và bị động viên khi đang dạy ở một trường La San Taberd nào đó, lại vướng vào lưới tình của một cô giáo Bàn Thạch. Là con một của bà già góa bụa. Cô giáo có nhan sắc và hiền lành, cười nhiều hơn nói. Có lẽ lớn hơn tôi một vài tuổi. Chị tỏ ra rất thân tình với đám lính trẻ bọn tôi. Chỉ một thời gian, chúng tôi xem nhau như người nhà. Khi nào chán cơm lính, bọn tôi rủ nhau ra chợ mua thịt cá rồi kéo đến nhà chị để nhờ chị nấu cơm, rồi cùng nhau ăn uống và đàn địch ca hát cả ngày. Ông đàn anh “tu xuất” của tôi vốn làm thơ tình rất hay, đàn ca có “trường lớp” lắm. Nghe nói trước kia anh làm trưởng ca đoàn trong mấy nhà thờ. Anh thường đệm đàn cho cô giáo hát bài “Chuyện tình Lan và Điệp”. Giọng hát Phú Yên cũng nào nùng ai oán lắm. Đặc biệt phía sau nhà có cái giếng nước rất trong, nên chúng tôi thường ghé vào tắm rửa sau các lần hành quân trở về. Sau này, ông đàn anh thuyên chuyển về Vùng 4 trong Nam.

Mãi đến năm 1980, tôi bất ngờ gặp lại anh trong một trại tù ngoài Bắc. Ngạc nhiên và thú vị khi nghe anh kể là anh vẫn còn độc thân, và cô giáo Bàn Thạch ngày xưa giờ cũng chưa chồng. Điều làm tôi sững sờ hơn là ông bố của cô không chết mà tập kết ra Bắc năm 1954. Sau 1975 về lại Phú Yên và giữ một chức hàm khá lớn. Cô giáo bây giờ không làm nghề giáo nữa mà đang là một cán bộ, chủ nhiệm hay trưởng phòng gì đó của chính quyền CS. Anh còn khoe là cô giáo thường gởi quà cho anh, và còn cho tôi đọc ké mấy lá thư cô ấy viết, bảo là sẽ ra thăm anh, cũng như hứa hẹn bảo lãnh cho anh về Phú Yên, nếu anh thấy lo lắng không muốn trở về quê quán Mỹ Tho, và nơi ấy anh cũng chẳng còn ai, sau khi bà mẹ già đã mất. Nhưng không thấy cô đề cập đến chuyện “nói lại tình xưa”. Tôi ngại, nên cũng không dám hỏi anh. Cuộc tình “giữa hai chiến tuyến” này liệu có làm cho con tim thắng được tất cả mọi giáo điều chủ nghĩa, để vượt qua bao hận thù, tang tóc?

Rất tiếc, tôi không tìm được câu trả lời này. Vì mãi đến bây giờ tôi vẫn chưa gặp lại anh ấy, mặc dù tôi đã nhắn tin và tìm hỏi rất nhiều bạn bè sang Mỹ theo diện HO. Đôi lúc, nghĩ về họ, tôi hình dung đến một đôi vợ chồng già sống hạnh phúc trong ngôi nhà ngói xưa ở Bàn Thạch, có khu vườn và cái giếng nước trong, anh đàn em hát; hay đang cùng quì xuống cầu kinh trong một ngôi nhà thờ nào đó. Cô giáo hiền thực ngày xưa không thể nào trở thành một “nữ đồng chí CS” thứ thiệt được, chắc cũng đã sớm nhìn ra cái lý tưởng hoang đường mà ông cha của cô đã mê muội theo đuổi, để đành lòng bỏ lại mẹ con cô một thời góa bụa cút côi, giờ chỉ còn lại bao hệ lụy đau lòng. Có thể cô đã từ bỏ mọi chức tước (nhờ vào thành tích “phấn đấu” của cha), để cùng người tình xưa – người lính khác chiến tuyến với cha cô – sống trong hạnh phúc bình thường. Cầu mong những người con gái Phú Yên, dù hoàn cảnh nào cũng luôn giữ trọn mối tình xưa.

Đặc biệt nhất, và cũng gắn bó nhất, chính là chuyện tình của ông đàn anh khoá 13 gốc Bắc Kỳ, có nụ cười và đôi mắt dễ làm “khuấy động trái tim người... ta” mà chúng tôi đã

kết nghĩa anh em. Đại Đội của anh là Đại Đội đánh đấm khá nhất, nên được ông Tiểu đoàn trưởng tin tưởng, giao cho đóng quân và phụ trách vùng đất bất an nhất: từ phía nam Bàn Thạch đến tận làng Thạch Tuấn, tiếp giáp Đèo Cả, ranh giới cuối cùng phía nam của tỉnh Phú Yên. Ban chỉ huy Đại Đội đóng quân sau khu vườn của một ngôi nhà ngói lớn hai tầng duy nhất ở vùng này.

Đối diện phía bên kia, sau con hương lộ, là ngôi trường tiểu học. Ông bà chủ nhà thuộc hàng khá giả, vừa làm chủ một cửa hàng tạp hóa ở tầng dưới, vừa làm nước mắm ở khu nhà sau. Một ngày cuối tuần, anh rủ chú lính cận vệ ra giếng tắm. Thầy trò chỉ mặc quần xà lỏn huyết sáo nhõn nhờ, bất ngờ gặp hai cô gái đang ngồi giặt áo quần bên thềm giếng. Sau khi bót ngưỡng ngừng, hỏi ra mới biết là con ông bà chủ nhà, học ở Tuy Hòa, cuối tuần về thăm cha mẹ. Có lần tôi ghé lại thăm anh, được ông bà chủ nhà và hai cô con gái mời hai anh em tôi dùng bữa cơm thịnh soạn. Ông anh Bắc kỳ hào hoa nhưng rất kín miệng. Nhìn ánh mắt tôi biết là anh đang mê một cô chị. Cô em còn bé lắm. Ông bà già mua hẳn một ngôi nhà khá khang trang ở phố Tuy Hòa, gần trường Nguyễn Huệ cho hai cô và một ông anh trú ngụ học hành. Là anh em kết nghĩa, vậy mà cuộc tình của anh, tôi không biết mặn nồng đến đâu. Chỉ biết lâu lâu anh lái xe bỏ bọn tôi xuống phố Tuy Hòa, lì xì vài chục uống bia, rồi phóng xe đi một mình. Đúng hẹn ghé đón bọn tôi với nụ cười lúc nào cũng nở trên môi.

Hơn một năm từ ngày đổ quân xuống Tuy Hòa, cũng vào một ngày hè nắng cháy, Tiểu Đoàn tôi có lệnh rời khỏi Phú Yên, bàn giao trách nhiệm lại cho Trung Đoàn 47 biệt lập từ Bình Tuy ra để sáp nhập vào Sư Đoàn 22BB, mà bản doanh Bộ Tư Lệnh đóng ngoài Bình Định. Đơn vị tôi cùng Chi Đoàn Thiết Quân Vận của ông Đại úy tài hoa Bùi Thế Dung, lại lên tàu há mồm xuôi nam, đổ quân xuống Phan Thiết.

Ông đàn anh Bắc Kỳ của tôi sau này lên làm Tiểu đoàn trưởng, đánh thắng một trận lẫy lừng tại Căn Cứ 6 Pleiku đầu năm 1971, được ông Tướng Vùng gắn lon thiếu tá đặc cách tại mặt trận. Sau đó được ông Tỉnh trưởng Ninh Thuận (vốn là cựu Trung đoàn phó của chúng tôi khi còn đóng ở Phú Yên) xin đích danh anh về Phan Rang làm Quận trưởng. Một hôm, bất ngờ tôi nhận được thiệp hồng của anh mời đám cưới. Tôi ngần người khi đọc thấy tên cô dâu chính là cô học trò, con bà chủ quán ở Bàn Thạch ngày xưa, nơi anh đóng quân sau vườn nhà 6 năm về trước. Đến bây giờ tai tôi vẫn còn văng vẳng dư âm Bài Không Tên Số 2, với giọng hát Phú Yên thật nồng nàn cảm xúc, chị đã hát tặng bọn tôi ngay sau ngày đám cưới. Phải chăng “đời một người con gái (Tuy Hòa) ước mơ rất nhiều, nhưng trời cho không được mấy, đến khi lấy chồng chỉ còn một mối tình mang theo”?

Điều trùng hợp lý thú là năm 1976, khi bị chuyển tù ra Bắc, anh và tôi lại gặp nhau, ở chung một trại. Anh em thường gặp nhau tâm sự. Trong cảnh tù đầy khốn khó, tình anh em gần bó như xưa. Mỗi lần chị ra thăm nuôi anh đều mang theo thêm phần quà cho tôi. Có khi chị giả vờ đi lại trên con đê trước nhà thăm nuôi, biết chúng tôi sau một ngày lao động sẽ được về tắm giặt ở bên con đê ấy, để dúi vào tay tôi mấy tờ giấy bạc. Lòng tôi

cảm động. Không ngờ cô con gái hiền lành ở vùng quê Bàn Thạch ngày xưa ấy, sau ngày chồng vào tù, đã dắt ba thằng con trai, mà đứa nhỏ nhất chỉ mới tròn 2 tuổi, vào Sài Gòn bươn chải nuôi con, tạo dựng được cơ ngơi nơi vùng đất lạ xô bồ phức tạp này. Và với chúng tôi, còn là một người bạn, người chị chí tình.

Anh chị sang Mỹ theo diện HO. Mang theo kinh nghiệm từ Việt Nam, chị sớm vào nghiệp bán buôn. Chỉ một thời gian ngắn gia đình khá giả. Ba đứa con trai đều thành đạt. Cháu trai út ra bác sĩ, cháu giữa làm luật sư, còn cháu lớn là kỹ sư, nhưng sau này đã trở thành một mục sư đi rao giảng đức tin Thiên Chúa. Ngày đám cưới cháu trai thứ nhì, vợ chồng tôi sang tham dự. Bạn bè cùng đơn vị xưa từ khắp nơi cũng qui tụ về đây. Bất ngờ gặp một nhóm đồng môn Nguyễn Huệ của chị. Một cuộc hạnh ngộ thật kỳ thú. “Phe anh phe chị”. Chúng tôi biết thêm một số người đẹp Tuy Hòa xưa.

Đám đàn bà ngồi nhắc tên những thầy bạn cũ. Đám đàn ông bọn tôi ngồi điểm danh lại những thằng bạn lính, từng in dấu giày saut trên vùng đất Tuy Hòa thuở trước. Giờ cũng chỉ còn có hai thằng: ông anh gốc Bắc kỳ và tôi. Một số đã chết trong chiến trận: Trương Ngọc Diệp, anh trung uý gốc Huế, Đại đội trưởng đầu tiên của tôi ngày ấy, đã chết tại chiến trường Thiện Giáo (Phan Thiết) sau hơn một năm rời khỏi Tuy Hòa, và sau đúng hai tuần cưới vợ, một cô giáo Ninh Hòa gốc Huế. Vài tháng sau, ông anh Thái Hữu Dư, khoá 16VB, bị thương nặng trong một trận phản kích rất hào hùng tại Lâm Đồng, được chuyển về Vùng 4 sau khi xuất viện. Đặng Trung Đức, khoá 19 Đà Lạt, người bạn rất thân với tôi, tử trận tại Kontum trong “mùa hè đỏ lửa” khi đang làm Tiểu đoàn trưởng.

Trần Công Lâm, thằng bạn cùng khoá thân thiết nhất của tôi, trước khi nắm Tiểu Đoàn từng là một Đại đội trưởng trinh sát lừng danh của Quân Đoàn II, cũng đã bỏ mình tại vùng Tây-Bắc Kontum, trên dãy núi Ngok Wang đèo heo gió hú. Vài thằng giải ngũ vì thương tích. Số còn lại thì bị tù đầy rồi tàn mạt khắp bốn phương trời! Nhưng dù còn sống hay đã chết, có lẽ thằng nào cũng mang theo ít nhiều bóng dáng và giọng nói của các cô gái Tuy Hòa, cùng bao kỷ niệm hào hùng, dễ thương của một thời trai trẻ.

Ngày rời khỏi Tuy Hòa năm ấy, đơn vị tôi cũng đã mang theo một số cô dâu Phú Yên xinh đẹp. Tôi còn nhớ mãi những khuôn mặt thật xinh xắn, làn da trắng nõn nà của các cô bé ở Ngân Sơn (Tuy An), bẽn lẽn “hóa trang” làm lính, xúng xính trong bộ quân phục của chồng, đầu đội cả nón sắt, lội nước leo lên tàu Hải Quân, sợ những người chỉ huy chặn lại không cho phép. Nhưng ông Tiểu đoàn trưởng đã biết trước, bảo nhỏ đám chúng tôi cứ làm ngơ cho họ được “tùng phu”, khi biết chắc đây không phải là “mỹ nhân kế” của địch, và biết đâu đơn vị lại được thêm vài tay súng, những “người lính không có số quân”! Ông Trung tá Trung đoàn trưởng cao lớn bô trai của tôi cũng đã mang theo cô chủ quán hoa khôi gốc Huế nổi tiếng một dạo ở Tuy Hòa. Ông Đại úy Thiết Giáp hào hoa thì xuống tàu một mình. Sau này lên đại tá, trở thành Thiết đoàn trưởng Chiến xa lừng danh Vùng I, và đã rước cô ca sĩ Hà Thanh của xứ Huế về dinh.

Riêng tôi, rời Tuy Hòa, không vương vấn mối tình nào, nhưng lại mang theo một cậu con trai 15 tuổi. Thời gian đơn vị hành quân ở Phú Lâm, tôi đóng quân sau nhà chú bé. Từ đó chú bé cứ theo mấy chú lính của tôi và năn nỉ xin tôi nhận cho vào lính. Học tới lớp nhì thì cha chết, bà mẹ theo người chồng mới vào Cam Ranh hơn một năm sau. Chú bé ở với vợ chồng ông chú, vừa nghèo vừa đông con, lại bị bà thím hắt hủi. Tôi động lòng thương nên thường cho lính gọi đến ăn cơm chung, và lâu lâu lì xì chút tiền lẻ. Chú có khuôn mặt khô ngô, tính tình lễ phép, gọi tôi là anh ba, và khóc lóc năn nỉ nhất định xin đi theo tôi, dù góc bể chân trời nào. Vào Phan Thiết, tôi kể cho ông Tiểu đoàn trưởng nghe hoàn cảnh đáng thương của nó, ông chở tôi và nó đến một văn phòng xã làm giấy khai sanh, tăng thêm đủ tuổi để nhận nó vào lính. Ông giao nó cho tôi. Tôi chỉ cho nó đi theo, mang cho tôi một ba-lô sách và vài thứ thức ăn. Cuộc hành quân nào ác liệt, tôi gọi nó cho anh HSQ Tiếp Tế ở lại hậu trạm.

Hơn bốn tháng sau, được gọi vào Trung Tâm Huấn Luyện Lam Sơn. Nó trở lại đơn vị khi tôi đã làm Đại đội trưởng, nhất định xin tôi tình nguyện vào Tiểu Đội thám báo. Không ngờ nó lại là thằng lính đánh giặc gan dạ, lầy lùnh, đã mấy lần cùng toán thám báo cứu tôi thoát chết. Hai năm sau, nó tử trận tại mặt khu Lê Hồng Phong (Phan Thiết) vào một ngày gió mưa tầm tã, khi xông vào một căn hầm của địch. Khi ấy nó vừa tròn 18 tuổi đời. Lúc hấp hối, nó thoi thóp cố mở mắt nhìn tôi, đôi môi mấp máy như muốn nói với tôi một điều gì đó. Tôi vuốt mắt nó mà nước mắt tôi ràn rụa, trong lòng tựa hồ như đang có trăm ngàn vết chém.

(Lê Xuân Tiên ơi! Bây giờ em đang ở một thế giới khác, bình an, không còn có hận thù chết chóc. Xin em hãy tha thứ cho anh. Đã mấy lần em xả thân cứu anh thoát chết, còn “anh ba” thì lại bắt tài, không bảo vệ được cho em!).

Và đó cũng chính là món nợ ân tình duy nhất mà tôi không bao giờ trả được cho vùng đất Tuy Hòa – Phú Yên – của một thời chiến tranh, khốn khó.

Riêng ông Trung tá Tỉnh trưởng gốc Biệt Động Quân chịu chơi ngày ấy, sau này trở thành vị tướng lãnh tài ba và đã tuân tiết theo cùng vận nước vào cuối tháng 4/1975. Còn ông anh Nguyễn Văn Tri, con bà cô, và anh “Chương Classic” của Tiểu Đoàn 23 BDQ đã thoát chết trong một lần Tiểu Đoàn nghỉ quân trong căn cứ của một đơn vị ĐPQ, bị nội tuyển từ trong đơn vị ĐPQ này. Sau này anh Tri bị thương, được chuyển về TTHL/BDQ Dục Mỹ. Tôi ghé thăm anh một đôi lần khi đơn vị chuyển quân ngang qua Huân Khu này. Anh sang Mỹ theo diện HO, định cư ở Boston, có cô con gái là ca sĩ Hạ Vy. và anh đã qua đời hơn 5 năm trước. Anh “Chương Classic” khoá 19VB, sau này lên thiếu tá, làm Tiểu đoàn trưởng một Tiểu Đoàn BDQ lừng danh. Năm 1979, sau một lần chuyển trại tôi bất ngờ gặp lại anh trong một trại tù tận vùng Hoàng Liên Sơn. Hai anh em nằm gần nhau.

Anh tự chế một cây đàn rất đẹp. Vẫn luôn giữ phong cách của một cấp chỉ huy, tư cách, nhẵn nhục, ít nói. Đêm đêm hai anh em uống trà tươi (giấu được khi hái trà cho trại), tôi

ngồi nghe anh đàn. Trong hoàn cảnh ấy và với không gian yên ắng nặng nề, tiếng đàn Hạ Uy Cầm của anh càng thêm náo nức réo rắt, chiêu dụ cả đám bộ đội canh gác, kéo nhau đến bên ngoài mê mẩn ngồi nghe. Nghe nói anh cũng đã sang Mỹ theo diện HO, nhưng nỗi buồn gầy sùp vẫn chưa vơi, sống rất âm thầm với vết thương không lành được trong lòng.

Xin cảm ơn Phú Yên, cảm ơn Tuy Hòa, cảm ơn cả ngôi trường Nguyễn Huệ đã cho tôi những kỷ niệm vui buồn của một thời làm lính, với những đồng đội, bạn bè cùng những chuyện tình lãng mạn, dễ thương. Tất cả cứ như khói như sương lãng đãng quanh tôi trong những phút giây hồi tưởng.

Phạm Tín An Ninh



Nguồn: Internet eMail by tqh chuyển

*Đăng ngày thứ Năm, December 11/2025
tkd, Khoa 10A-72/SQTĐ/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*